

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN 3
Số: 06/QĐ-MNBN3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hóc Môn, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của
Trường Mầm non Bé Ngoan 3

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tại cơ quan nhà nước đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Công văn số 502/UBND ngày 02 tháng 05 năm 2019 về việc thực hiện công khai tài chính, tài sản.

Căn cứ Quyết định số 7237/QĐ-UBND-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc khối Mầm non.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Bé Ngoan 3 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận hành chính, tài vụ, các tổ chuyên môn và tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị trường Mầm non Bé Ngoan 3 tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Trinh

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp trung gian: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Mã đơn vị quan hệ với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường Mầm Non Bé Ngoan 3

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069645

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 7237/QĐ-UBND-TCKH ngày 27/12/2024 của UBND huyện Hóc Môn)

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.179.100.000
Thu sự nghiệp theo hướng dẫn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo			4.179.100.000
Nguồn học phí			681.300.000
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú			1.086.300.000
Dịch vụ phục vụ ăn sáng			511.200.000
Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trong giờ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)			295.680.000
Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trong giờ các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)			557.600.000
Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)			36.500.000
kỹ năng sống			198.720.000
giáo dục STEM			230.400.000
Thẻ dự nhp điếu			201.600.000
Học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ			244.800.000
Học vẽ			135.000.000
II. Tổng chi sự nghiệp theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			4.179.100.000
1. Chi sự nghiệp và thu dịch vụ theo hướng dẫn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo			4.157.100.000
Nguồn học phí			659.300.000
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú			1.086.300.000
Dịch vụ phục vụ ăn sáng			511.200.000
Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trong giờ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)			295.680.000
Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trong giờ các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)			557.600.000
Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)			36.500.000
kỹ năng sống			198.720.000
giáo dục STEM			230.400.000
Thẻ dự nhp điếu			201.600.000
Học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ			244.800.000
Học vẽ			135.000.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2025 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố			22.000.000
- Nguồn thu học phí (40% sau khi trừ chi phí)			22.000.000
C. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	622 - 071		17.834.301.064
Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			17.317.301.064
- Kinh phí chi thường xuyên		13	9.954.759.943
- Kinh phí chênh lệch lương 850.000 đồng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn CCTL)		13	2.877.588.988
- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố (nguồn CCTL)		14	4.484.952.133

Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			517.000.000
- 10% quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nguồn CCTL)		18	417.000.000
- Kinh phí khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng và chi khác		12	100.000.000